

Thứ	Thực đơn	Chi tiết	ĐVT	TP sống (gam/hs)	Đơn giá /Kg	Thành tiền	Thực phẩm chín/hs	Kcal	Chi phí phụ		Tổng tiền /suất
									Chi phí phụ	Số tiền	
Thứ 2 (05/05)	Thịt quay sốt ngũ vị	Thịt lợn	gram	75	159,000	11,925	55-60	145.0	Chất đốt	1,000	
	Xúc xích xào ngũ sắc	Xúc xích	gram	15	120,000	1,800	35-40	90.0	Lãi dự kiến	400	
		Ngô ngọt hạt	gram	12	80,000	960			Khấu hao	200	
		Cove, cà rốt	gram	30	30,000	900			Nhân công	4,500	
	Cải bắp, cà rốt xào	Cải bắp, cà rốt	gram	70	25,000	1,750	50-52	15.0	NRB+NL	200	
	Canh bí xanh hầm xương	Bí xanh	gram	30	25,000	750	220-240	15.0	Nước sạch	100	
		Xương lợn	gram	8	80,000	640					
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	21,000	2,520	210-240	412.0			
	Sữa chua Vinamilk	Sữa chua Vinamilk	hộp	1	5,000	5,000		110.0			
Gia giảm (gia vị: hành, tỏi, dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)						2,000					
Cộng thứ 2						28,245		787.0		6,400	34,645
Thứ 3 (06/05)	Cá rô file chiên xù chấm tương cà	Cá rô file	gram	52	150,000	7,800	40-45	90.0	Chất đốt	1,000	
		Tương cà	gram	10	80,000	800	8-10	30.0	Lãi dự kiến	400	
	Trứng cút kho tàu	Trứng cút	quả	4	1,000	4,000	10-12	50.0	Khấu hao	200	
	Su su, cà rốt xào	Su su, cà rốt	gram	70	25,000	1,750	45-50	15.0	Nhân công	4,500	
	Canh mùng tơi nấu tôm nõn	Mùng tơi	gram	30	25,000	750	220-240	12.0	NRB+NL	200	
		Tôm nõn khô	gram	0.4	600,000	240			Nước sạch	100	
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	21,000	2,520	210-240	412.0			
	Bánh xốp Hải Châu	Bánh xốp Hải Châu	bánh	2	1,500	3,000		80.0			
Gia giảm (gia vị: hành, tỏi, dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)						3,500					
Cộng thứ 3						24,360		689.0		6,400	30,760
Thứ 4 (07/05)	Tôm nõn rim thịt băm	Thịt lợn	gram	53	159,000	8,427	45-50	145.0	Chất đốt	1,000	
		Tôm nõn	gram	20	200,000	4,000			Lãi dự kiến	400	
	Dưa hấu	Dưa hấu	gram	80	30,000	2,400	60-65	24.0	Khấu hao	200	
	Cải ngọt, cà rốt xào	Cải ngọt, cà rốt	gram	75	25,000	1,875	50-52	22.0	Nhân công	4,500	
	Canh bí đỏ nấu thịt	Bí đỏ	gram	30	25,000	750	220-240	15.0	NRB+NL	200	
		Thịt lợn	gram	2	159,000	318			Nước sạch	100	
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	21,000	2,520	210-240	412.0			
	Sữa hộp trái cây	Sữa hộp trái cây	hộp	1	5,000	5,000		80.0			
Gia giảm (gia vị: hành, tỏi, dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)						2,000					
Cộng thứ 4						27,290		698.0		6,400	33,690



Thứ	Thực đơn	Chi tiết	DVT	TP sống (gam/hs)	Đơn giá /Kg	Thành tiền	Thực phẩm chín/hs	Kcal	Chi phí phụ		Tổng tiền /suất
									Chi phí phụ	Số tiền	
Thứ 5 (08/05)	Thịt gà sốt chua ngọt	Thịt gà	gram	100	95,000	9,500	45-50	155.0	Chất đốt	1,000	
	Đậu rán tâm hành	Đậu phụ	gram	70	25,000	1,750	45-50	70.0	Lãi dự kiến	400	
	Khoai tây, cà rốt xào	Khoai tây, cà rốt	gram	65	25,000	1,625	50-52	15.0	Khấu hao	200	
	Canh cải xanh nấu thịt	Cải xanh	gram	30	25,000	750	220-240	15.0	Nhân công	4,500	
		Thịt lợn	gram	2	159,000	318			NRB+NL	200	
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	21,000	2,520	210-240	412.0	Nước sạch	100	
	Bánh Cosy Kinh Đô	Bánh Cosy Kinh Đô	bánh	1	4,000	4,000		70.0			
Gia giảm (gia vị: hành, tỏi, dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)						3,500					
Cộng thứ 5						23,963		737.0		6,400	30,363
Thứ 6 (09/05)	Giò chả rim mắm	Giò chả nạc	gram	60	147,000	8,820	50-55	126.0	Chất đốt	1,000	
	Trứng, thịt chung	Thịt lợn	gram	5	159,000	795	45-50	120.0	Lãi dự kiến	400	
		Trứng gà	quả	1	3,300	3,300			Khấu hao	200	
	Rau muống xào	Rau muống	gram	70	25,000	1,750	45-50	14.0	Nhân công	4,500	
	Canh chua dầm me	Me	gram	5	50,000	250	220-240	10.0	NRB+NL	200	
	Cơm trắng	Gạo tẻ	gram	120	21,000	2,520	210-240	412.0	Nước sạch	100	
	Thạch dừa Hoa Sữa	Thạch dừa Hoa Sữa	hộp	1	5,000	5,000		80.0			
Gia giảm (gia vị: hành, tỏi, dầu ăn, mì chính, hạt nêm, mắm muối, bột canh....)						3,000					
Cộng thứ 6						25,435		762.0		6,400	31,835



Đại diện Nhà Trường

 HIỆU TRƯỞNG
 Nguyễn Thị Bích Huyền

Ban Bán Trú

 Bùi Thị Kim Thủy

Đại diện Công Ty

 PHÓ GIÁM ĐỐC
 Nguyễn Thị Vân